

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiên Thịnh
2. Ông Phạm Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐHPT ngày 05 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 06, tổ 17, đường N, ngõ 23, phường Tr, thành phố T; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Đức Th, sinh năm 1969

Đăng ký hộ khẩu: Thôn D, xã T, thành phố T.

Tạm trú: Số nhà 50, phố Đ, phường K, thành phố T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thể hiện :*

Năm 1991 chị và anh Phạm Đức Th xác định đi đến hôn nhân khi đó chị T chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn nên được hai bên gia đình làm lễ cưới theo thủ tục địa phương, đến khi đủ tuổi chị T và anh Th cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách của anh chị không hợp nhau, anh Th không chịu làm ăn, mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Th không có ý thức sửa chữa nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Khoảng năm 2003 anh Th đã bỏ đi thuê nhà ở tại số nhà 50, phố Đ, phường K, thành phố T không chung sống với chị T từ đó cho đến nay. Nay chị T làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận chị T và anh Th là vợ chồng.

- Về con chung: Chị T và anh Th có hai con chung là Phạm Thị Mai P, sinh ngày 15/01/1994 và Phạm Bảo Th, sinh ngày 23/12/1998. Hiện nay hai con đã trưởng thành tự lập được về kinh tế nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị T và anh Th không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay tài sản gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án anh Phạm Đức Th trình bày:

Anh Th và chị T có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn vì chị T chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn, nên anh chị chung sống với nhau từ năm 1991, trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do một phần anh Th không có công ăn việc làm, kinh tế của anh chị ngày càng khó khăn nên anh chị thường xuyên cãi vã nhau, vào năm 2003 anh chị mâu thuẫn căng thẳng nên anh Th đã tự bỏ ra ngoài ở thuê và sinh sống từ đó cho đến nay. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng, anh Th đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh Th và chị T có hai con chung là Phạm Thị Mai P, sinh ngày 15/01/1994 và Phạm Bảo Th, sinh ngày 23/12/1998. Hiện nay hai con đã trưởng thành tự lập được về kinh tế nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh Th và chị T không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay tài sản gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình xác minh ông Nguyễn Anh T – Tư pháp UBND xã T, thành phố T cung cấp: Khoảng năm 2001 anh Phạm Đức Th có sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, thành phố T, đến khoảng năm 2006 anh Th đã chuyển chỗ ở khác, cụ thể đi đâu địa phương không biết. Theo sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 2001 đến nay tại UBND xã T, thành phố T thể hiện anh Th và chị T không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng đối với anh Th, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

* Ông Phạm Minh L – Tổ trưởng tổ dân phố số 10 (tổ 17 cũ) phường Tr, thành phố T cung cấp: Chị T và anh Th sống chung với nhau từ năm 1991 và ở tại nhà ông bà Nguyễn Như Th (bố mẹ chị T), địa chỉ tổ 17, phường Tr, thành phố T. Quá trình anh chị chung sống theo địa phương được biết anh chị chưa đăng ký kết hôn, nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và nguyện vọng của chị T.

* Ông Nguyễn Văn L – Tổ trưởng tổ dân phố số 08, phường K, thành phố T cung cấp: Vào khoảng tháng 11/2018 anh Th có làm thủ tục thuê nhà của bà Chu Thị Ng và ông Đỗ Văn M, tại địa chỉ: số 50, Đ, tổ 21, phường K, thành phố T từ đó cho đến nay, anh Th có sổ tạm trú, theo địa phương được biết anh Th thuê nhà cùng với mấy anh em để làm ăn buôn bán và sinh sống, thỉnh thoảng có thấy chị T qua lại nhưng không thấy anh chị có biểu hiện mâu thuẫn. Tại lời khai của anh Th, chị T cung cấp tại Tòa án: Anh chị không có đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay và đã có hai con chung, hiện hai con của anh chị đã trưởng thành, tự lập được về kinh tế, ngoài ra chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án:

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp. tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của TANDTC-VKSNDTC-BTP xử không công nhận là vợ chồng đối với chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đức Th.

- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1991 chị T và anh Th được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, anh chị chung sống với nhau từ năm 1991 đến năm 2003 không có đăng ký kết hôn.

1.1 Trong quá trình chung sống:

- Theo chị T trình bày: Trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa giải và chia sẻ được tình cảm cho nhau, chị T đã cố gắng góp ý để anh chị sửa chữa để cùng nhau nuôi dạy con chung và

chia sẻ tình cảm cho nhau, nhưng anh chị không thể cùng nhau vượt qua được những mâu thuẫn đó. Năm 2003 đến nay anh Th đã tự ý bỏ ra ngoài ở thuê, hai anh chị không chung sống với nhau nữa. Nay chị T yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng đối với chị T và anh Th.

- Theo anh Th trình bày: Trong quá trình chung sống anh chị thường không tôn trọng nhau nên tình cảm ngày càng vơi đi, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên anh Th đã ra ngoài thuê nhà ở để yên ổn và anh chị không chung sống với nhau từ thời điểm từ năm 2003 đến nay. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng đối với anh và chị T, anh đồng ý.

1.2 Xét thấy, trên thực tế cuộc sống chung giữa chị T và anh Th đã không tồn tại, tình yêu thương của anh chị đối với nhau không còn, đến thời điểm chị T làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận chị T và anh Th là vợ chồng thì anh chị vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của TANDTC-VKSNDTC-BTP xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đức Th là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Th có hai con chung là Phạm Thị Mai P, sinh ngày 15/01/1994 và Phạm Bảo Th, sinh ngày 23/12/1998. Hiện nay hai con đã trưởng thành tự lập được về kinh tế nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy đề nghị của anh chị không trái pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 24 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Dương phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của TANDTC-VKSNDTC-BTP Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí về lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đức Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009667 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình Th án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/03/2020), anh Phạm Đức Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền